

CHUYÊN ĐỀ XII. DANH TỪ ĐẾM ĐƯỢC VÀ DANH TỪ KHÔNG ĐẾM ĐƯỢC

A. Kiến thức lý thuyết

1. Danh từ đếm được (Countable noun)

- Là các danh từ có thể đếm hoặc định rõ số lượng, có thể sử dụng đi kèm với số đếm phía trước. Có thể ở dạng số ít hoặc số nhiều.

E.g. an apple, a car, two books, three cats, ...

- Có thể sử dụng với các lượng từ: *many, some, any, (a) few, several, a lot of, lots of, plenty of, enough, ...*

* Quy tắc chuyển sang danh từ số nhiều:

+ Với hầu hết các danh từ, thêm -s vào sau:

E.g. dog → dogs, pen → pens

+ với các danh từ kết thúc bằng -ch, -s, -sh, -z, -x, -o → thêm -es

E.g. watch → watches, box → boxes

+ Với danh từ kết thúc bằng -y và y đứng trước một phụ âm → đổi thành -ies:

E.g. lady → ladies, baby → babies, city → cities, ...

+ Với danh từ kết thúc bằng -f/-te → đổi thành -ves:

E.g. life → lives, shelf → shelves, knife → knives, ...

+ Một số trường hợp ngoại lệ (danh từ bất quy tắc):

E.g. child → children, person → people, tooth → teeth, man → men, ...

2. Danh từ không đếm được (Uncountable noun)

- Là các danh từ không thể sử dụng với số đếm, thường là các khái niệm trừu tượng, vật chất không phân chia được hoặc không có sự định lượng.

- Không có dạng số nhiều.

- Dùng với đơn vị đếm phù hợp:

E.g. a slice of pizza, a piece of cake, a cup of tea, a glass of water, ...

- Có thể sử dụng với các lượng từ: *much, some, any, (a) little, a bit of, a lot of, lots of, plenty of, enough, ...*

3. Một số lưu ý

- Một số danh từ vừa là danh từ đếm được, vừa là danh từ không đếm được, nhưng ý nghĩa của chúng khác nhau:

E.g. chickens (những con gà) - chicken (thịt gà), woods (những cánh rừng) - wood (gỗ),...

- Một số danh từ không đếm được dễ gây nhầm lẫn vì có dạng thức giống với danh từ số nhiều:

E.g. news (tin tức), measles (bệnh sởi), mumps (bệnh quai bị), ...

- Khi chia động từ, một số danh từ có thể dùng dưới dạng số ít hoặc số nhiều: *army, audience, class, company, crowd, family, government, group, team, ...*

- Danh từ *police* luôn được dùng như danh từ số nhiều:

E.g. The police are coming.

B. Luyện tập

Exercise 1: Underline the correct answer to complete each of the following sentences.

1. Jack surprises us with his hair! **They're** / **It's** red!
2. The police recognised the woman because **he** / **they** saw her on the security camera.
3. There **is** / **are** some new furniture in the living room.
4. I'd like to have some **chicken** / **chickens** salad for lunch.
5. **Good advice** / **A good advice** is essential for him at this moment.

Exercise 2: Choose the correct option A, B, c, or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following sentences.

6. My dad has a habit (A) of reading newspaper (B) during breakfast (C) to get the latest news (D).
7. The number (A) of sugar (B) in this coffee (C) is too much (D) for me.
8. What a (A) nice weather (B)! why don't we go cycling (C) in (D) the park?
9. They can't have a (A) party at their house because there (B) are (C) not enough space (D).
10. Do you think mumps (A) are (B) a (C) common illness among children (D)?